

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số quốc gia: Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của BCH Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của tỉnh nhằm triển khai nghiêm túc các văn bản: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của BCH Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025.

2. Phân công trách nhiệm các cấp, các ngành triển khai từng nội dung thực hiện mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, thời gian và hiệu quả.

3. Kế hoạch này là căn cứ để các cấp, các ngành; đặc biệt là Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý giáo dục các cấp và các cơ sở giáo dục, đào tạo triển khai và chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

II. Yêu cầu

1. Cần lựa chọn các nội dung có tính cấp bách, tạo chuyển biến đột phá và có hiệu quả thiết thực để triển khai trước; chú trọng các giải pháp căn bản, toàn diện, tiết kiệm và bền vững; ưu tiên bố trí, đảm bảo nguồn lực theo phân cấp.

2. Các cấp, các ngành bám sát nhiệm vụ được phân công, tăng cường hướng dẫn, đôn đốc triển khai và kiểm tra, đánh giá; tham mưu sơ kết, kịp thời biểu dương những đơn vị làm tốt và rút kinh nghiệm những nội dung tồn tại.

3. Các cơ sở giáo dục và đào tạo phải cụ thể hóa, tích hợp vào kế hoạch nhà trường từng năm học, để chuyển đổi số vừa là điều kiện đảm bảo, vừa là chuẩn đầu ra phù hợp từng cấp học, bậc học, trình độ đào tạo.

B. MỤC TIÊU

I. Mục tiêu chung đến 2030

Chuyển đổi số ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mục tiêu kép: Vừa ứng dụng thành quả của cách mạng công nghệ lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo (AI) để thay đổi hình thức hoạt động quản lý, quản trị và dạy học thích ứng, tiên tiến và hiệu quả; vừa giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện phát triển bền vững kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Đến năm 2025

1.1. Chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển ngành giáo dục Nghệ An

a) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

b) Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ Tham gia hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

+ Trên 50% cơ sở giáo dục đại học có khả năng cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

c) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

- + Trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học có nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến;
- + Trung bình 20% lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học;
- + Trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

d) Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu dùng chung và công nghệ số, tạo sự thay đổi căn bản, toàn diện về quản lý, dạy và học theo hướng hiện đại; tạo đột phá về công tác đảm bảo chất lượng cho các nhà trường. 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% học sinh, học viên, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với mã số định danh duy nhất và thống nhất toàn quốc (mã số định danh theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- + Trên 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- + 100% trung tâm ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống, tư vấn du học được quản lý bằng hồ sơ số.

e) Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

- + 100% đơn vị sử dụng hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (i-office) để trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng.

- + 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- + 100% cơ sở giáo dục xây dựng lộ trình sử dụng hồ sơ điện tử giáo dục đáp ứng theo chuẩn kết nối và chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + 100% đơn vị triển khai học bạ điện tử, sổ điểm điện tử.

- + 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục Nghệ An sử dụng chữ ký số trong các hoạt động quản lý và dạy học (khi được phân quyền).

- + 100% cơ sở giáo dục thực hiện tuyển sinh đầu cấp bằng hình thức trực tuyến.

- + 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê giáo dục được thực hiện qua hệ thống báo cáo của ngành (i-office, email); chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo của ngành với hệ thống báo cáo của tỉnh.

- + Hoàn thành cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục Nghệ An giai đoạn 2, đảm bảo tiêu chí “sống, sạch, đủ, đúng” kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở dữ liệu đảm bảo cung cấp thông tin quản lý một cách thống nhất, đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu tỉnh Nghệ An và quốc gia.

- + Bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin trong toàn ngành được tuân thủ hiệu quả.

f) Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (trong đó, nâng số thủ tục hành chính mức độ 4 đạt tỷ lệ tối thiểu 50%).

+ Trung bình 80% người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục.

+ Trung bình 80% tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục.

+ Triển khai có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục Nghệ An đáp ứng các yêu cầu cung cấp, chia sẻ thông tin. 100% các cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả Cổng thông tin của đơn vị, có tính liên thông, kết nối với đơn vị chủ quản, khai thác tốt truyền thông trên các nền tảng CNTT nhằm xây dựng thương hiệu, hình ảnh của đơn vị.

g) Triển khai thí điểm mô hình trường học thông minh, trường học kết nối ở thành phố Vinh; một số huyện, thị thuận lợi và các trường đại học, cao đẳng.

1.2. Giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

a) 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các khóa tập huấn về nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; 90% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành giáo dục hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; 100% cán bộ chuyên trách tham gia đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo.

b) 80% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

c) 90% số cha mẹ học sinh biết đến các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong lĩnh vực giáo dục; thành thạo cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

d) Đào tạo được 200 kỹ sư, cử nhân, cử nhân thực hành chất lượng cao chuyên ngành công nghệ số, chuyên gia chuyển đổi số tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

e) 50% môn học của giáo dục phổ thông, chương trình đào tạo của giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh có tích hợp nội dung giáo dục chuyển đổi số.

g) Hàng năm có sản phẩm nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên về chuyển đổi số đạt giải các cuộc thi cấp tỉnh.

h) 20% học sinh phổ thông đạt chuẩn Tin học quốc tế theo chuẩn đầu ra.

2. Đến năm 2030

2.1. Chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển ngành giáo dục

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- Giáo dục đại học số trở thành một trụ cột của hệ thống giáo dục đại học, chiếm tỉ trọng 30% quy mô; 100% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

- 100% đơn vị cấp huyện triển khai nhân rộng mô hình trường học thông minh, trường học kết nối.

2.2. Giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành giáo dục hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; 100% cán bộ chuyên trách được đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo.

b) 100% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

c) 100% số cha mẹ học sinh biết đến các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong lĩnh vực giáo dục; thành thạo cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

d) Đào tạo được 1000 kỹ sư, cử nhân, cử nhân thực hành chất lượng cao chuyên ngành công nghệ số, chuyên gia chuyển đổi số tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

e) 100% môn học của giáo dục phổ thông, chương trình đào tạo của giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh có tích hợp nội dung giáo dục chuyển đổi số.

g) Hàng năm có sản phẩm nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên về chuyển đổi số đạt giải các cuộc thi cấp tỉnh, toàn quốc và quốc tế.

h) 50% học sinh phổ thông đạt chuẩn Tin học quốc tế theo chuẩn đầu ra.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật, thực hiện Chuyển đổi số thành công; góp phần đổi mới, phát triển nhanh, bền vững giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh

Đây là nhiệm vụ đột phá phát triển trong chiến lược dài hạn đổi mới căn bản, toàn diện, tạo sự bứt phá về chất lượng, hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước, quản trị trường học; phương thức dạy - học, thi và đánh giá.

1. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục, quản trị trường học trên địa bàn tỉnh; góp phần tham gia chính quyền số

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Triển khai công dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục; kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

- Hoàn thiện, vận hành khoa học hệ thống điều hành thông minh IOC ngành giáo dục, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối liên thông với Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh, của Bộ GD&ĐT; Thực hiện quyết liệt hoạt động quản lý, điều hành thông qua hệ thống văn bản, thủ tục hành chính điện tử, từng bước hạn chế và tiến tới không dùng văn bản giấy trong ngành giáo dục.

b) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội số;

- Xây dựng mô hình quản trị thông minh, tiên tiến trên nền tảng số trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thiết thực và hiệu quả; ứng dụng các phần mềm quản lý đồng bộ từ chuyển đổi quy trình quản lý nội bộ trường học, tích hợp với hệ thống điều hành thông minh của ngành và đồng bộ trong hoạt động công khai của cơ sở giáo dục.

c) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục;

- Triển khai các ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

2. Ứng dụng các nền tảng số phục vụ đổi mới dạy - học

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy- học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Triển khai hoạt động dạy học trực tuyến hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; triển khai thí điểm đối với cấp THPT, theo những môn học có lợi thế, sau đó nhân rộng cho các cấp học theo mô hình phòng giúp phòng, trường giúp trường, trung tâm giúp trung tâm, tổ bộ môn giúp tổ bộ môn.

- Tham gia phát triển, khai thác các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Xây dựng và sử dụng hiệu quả thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông, đồng bộ với hệ thống thư viện của tỉnh; khai thác cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số.

- Ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs), tăng cường công nhận tín chỉ các khóa học trực tuyến giữa các cơ sở giáo dục đại học; Triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số tại một số cơ sở giáo dục đại học.

- Tham gia phát triển và khai thác các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong giáo dục đại học.

- Xây dựng một số trung tâm đào tạo và nghiên cứu xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư cho giáo dục đại học.

3. Ứng dụng nền tảng số trong đổi mới phương thức thi và đánh giá

- Tham gia phát triển và khai thác tốt hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của Bộ GD&ĐT cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; cập nhật, chuẩn hóa, xây dựng và sử dụng hệ thống ngân hàng đề thi được số hóa, phục vụ các kỳ thi địa phương, cơ sở giáo dục tổ chức.

- Tăng cường tổ chức kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; ưu tiên triển khai thực hiện từ các cơ sở giáo dục, đào tạo, các địa phương đảm bảo điều kiện hạ tầng, kỹ thuật.

II. Giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng mục tiêu hình thành Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số

1. Xây dựng chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tiếp cận chương trình chuẩn quốc tế về giáo dục và đào tạo tin học, công nghệ máy tính, công nghệ mới cho học sinh, sinh viên (phát triển chương trình quốc gia, hoặc thiết kế chương trình tăng cường).

a) Đối với các cơ sở giáo dục

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình môn Tin học trong CTGDPT 2018 đảm bảo trang bị cho học sinh hệ thống kiến thức tin học phổ thông và hình thành những năng lực cơ bản, phù hợp với từng cấp học: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng xử phù hợp trong môi trường số; Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học; Hợp tác trong môi trường số.

- Triển khai nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Các cơ sở giáo dục xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học tăng cường theo giai đoạn và từng năm học, đảm bảo chuẩn đầu ra theo cam kết phù hợp đối tượng, vùng thuận lợi ưu tiên triển khai chương trình tin học, công nghệ máy tính, chuyển đổi số tăng cường theo chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu, cơ hội hội nhập cho người học.

- Tích hợp giáo dục kiến thức và năng lực ứng dụng cơ bản về tin học, công nghệ máy tính, chuyển đổi số phù hợp trong tất cả các môn học, trong hoạt động trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp, nội dung giáo dục địa phương..., trong các cơ sở giáo dục.

- Ưu tiên khuyến khích đưa các chương trình giáo dục, đào tạo tiên tiến về công nghệ thông tin, công nghệ mới, chuyển đổi số, phù hợp với nhu cầu người học và chủ trương xã hội hóa đối với các trung tâm trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với các cơ sở đào tạo

- Các cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên ngành chuyển đổi số, công nghệ số và mở

thêm các chuyên ngành đào tạo hoặc cập nhật, bổ sung nội dung đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ số trong các chuyên ngành đào tạo hiện có. Đổi mới chương trình đào tạo và tăng chỉ tiêu đào tạo đối với các ngành công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ. Chuẩn hóa các chuyên ngành đào tạo gắn với nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Hàng năm, cập nhật công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

- Phối hợp xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng cho đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành để xây dựng chương trình, nội dung chuyên đề bồi dưỡng, tập huấn theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; cho đối tượng thành viên, hội viên. Phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, công nghệ số cho đội ngũ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác tham mưu chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước đến cấp xã.

2. Chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và giáo dục khởi nghiệp về chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; góp phần hình thành nguồn nhân lực có chất lượng về kinh tế số

- a) Tổ chức cho học sinh, sinh viên tham gia các cuộc thi, sân chơi trải nghiệm phù hợp với độ tuổi về kiến thức và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ máy tính, chuyển đổi số với quy mô từ lớp học đến cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế.

- b) Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh trung học, sinh viên các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh; khuyến khích học sinh, sinh viên có các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ máy tính, chuyển đổi số mang tính thương mại, đem lại lợi ích cho xã hội.

- c) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với phát triển kinh tế, xã hội địa phương; tạo cơ hội cho học sinh, sinh viên được tham gia trải nghiệm và đề xuất những cải tiến đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh; đời sống, môi trường học tập, sinh hoạt, lao động tại địa phương, bằng các giải pháp công nghệ thông tin.

- d) Các cơ sở giáo dục, đào tạo chú trọng tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi với các nhân vật khởi nghiệp thành công, các chuyên gia; các hoạt động mô hình trải nghiệm, hội chợ, sàn giao dịch điện tử; tạo sự đam mê tìm hiểu, nghiên cứu, động lực dần thân hình thành ý tưởng và xây dựng các dự án khởi nghiệp nói chung và lĩnh vực chuyển đổi số.

- e) Hình thành, phát triển các loại hình câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu hiện thực hóa các ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo về khoa học, công nghệ mới ứng dụng giải quyết những vấn đề thực tiễn các lĩnh vực kinh tế, xã hội đặt ra.

3. Tăng cường hoạt động hợp tác, hình thành công dân toàn cầu, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về chuyển đổi số

a) Các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở đào tạo chủ động tham mưu, triển khai các hoạt động hợp tác với đối tác nước ngoài về xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo; về cung cấp chương trình và dịch vụ đào tạo; về hỗ trợ học bổng du học cho các chương trình giáo dục, đào tạo; về hỗ trợ chuyên gia giáo dục, đào tạo; về các hoạt động giao lưu, kết nghĩa, hỗ trợ trải nghiệm phát triển năng lực chuyển đổi số cho giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên của tỉnh.

b) Các cơ sở đào tạo trên địa bàn chú trọng hợp tác cung ứng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ mới cho các đối tác, doanh nghiệp trong và ngoài nước, đảm bảo chuẩn đầu ra theo yêu cầu đặt hàng.

c) Sở GD&ĐT, LĐ-TB&XH hỗ trợ các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn hợp tác xây dựng dự báo nhu cầu và chiến lược đảm bảo yếu tố đầu vào, đầu ra của từng đơn vị trong giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh và các tỉnh bạn.

d) Các cơ sở giáo dục và đào tạo chủ động phối hợp, kết nối, lan tỏa ra cộng đồng, xã hội góp phần nâng cao nhận thức, hình thành thói quen, rèn luyện kỹ năng trong môi trường công nghệ số cho học sinh, sinh viên, phụ huynh và mọi người liên quan.

e) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

III. Xây dựng các mô hình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

1. Tiếp tục triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM, giáo dục trải nghiệm về chuyển đổi số

a) Xây dựng và tổ chức Kế hoạch triển khai Chương trình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (STEM/STEAM), chú trọng phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp trong giáo dục phổ thông với lộ trình cụ thể; triển khai thí điểm ở các địa phương, cơ sở đặc thù và đúc rút kinh nghiệm tham mưu triển khai nhân rộng toàn tỉnh.

b) Khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn xây dựng các mô hình trải nghiệm phục vụ chương trình giáo dục, đào tạo; trong đó có các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ AI, công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh tại địa phương, được tổ chức trong hoặc ngoài khuôn viên nhà trường.

2. Mô hình mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở; thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa, tài liệu mở, cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học

tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức của các đối tượng yếu thế trong xã hội, tiết kiệm chi phí in ấn hàng năm.

3. Mô hình trường học thông minh, trường học kết nối

- Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh tiên phong triển khai thí điểm mô hình "Giáo dục đại học số"; thực hiện bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số.

- Thí điểm xây dựng mô hình trường học thông minh ở đơn vị thuận lợi; chú trọng các nội dung quản lý, dạy học, công khai, cung cấp các dịch vụ giáo dục trên nền tảng công nghệ số, theo hình thức trực tuyến; tạo sự thuận tiện, tiết kiệm cho học sinh, phụ huynh và những người liên quan.

- Tham mưu, phối hợp xây dựng mô hình trường học kết nối, tạo nên môi trường giáo dục không biên giới; các chương trình giáo dục, đào tạo, các tiết học được triển khai trực tuyến, kết nối giữa các trường học trong phạm vi địa phương, trong tỉnh, trong và ngoài nước; tạo hiệu ứng nâng cao chất lượng giáo dục của từng trường, từng địa phương, giáo dục vùng khó khăn của tỉnh.

4. Mô hình trường học trong doanh nghiệp, nhà máy, trung tâm nghiên cứu, triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", trên địa bàn tỉnh

Tổ chức triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", trong đó các sở, ngành cấp tỉnh có vai trò dẫn dắt, tạo mối quan hệ liên kết, hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp. Xây dựng và tổ chức triển khai các nền tảng số kết nối các cơ sở giáo dục, đào tạo với các doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, thúc đẩy học từ làm việc thực tế; đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động thích ứng với thị trường lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

Khuyến khích, hỗ trợ các mô hình hợp tác giữa nhà trường và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực chuyển đổi số; xây dựng chương trình phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tập đoàn, doanh nghiệp để hỗ trợ học sinh, sinh viên trải nghiệm, thực tập, làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu.

5. Mô hình thành phố, đô thị giáo dục thông minh, tiên tiến đồng bộ với mục tiêu xây dựng thành phố, đô thị thông minh của tỉnh.

6. Mô hình phổ cập kỹ năng chuyển đổi số, thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội số trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) về kỹ năng số cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học các kỹ năng số. Các cơ sở giáo dục và đào tạo căn cứ vào nội dung, học liệu trên Nền tảng để thực hiện giảng dạy, phổ cập kỹ năng số. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia xây dựng kho học liệu số phù hợp với các tiêu chuẩn trên Nền tảng.

- Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cấp xã. Lòng ghép, đưa nội dung nâng cao nhận thức về chuyển đổi số vào chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tư nhân phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người lao động trong tổ chức, doanh nghiệp của mình.

- Triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, đào tạo theo hướng cá nhân hóa. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong lĩnh vực giáo dục. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm và công nhận chứng chỉ đào tạo trực tuyến.

IV. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

1. Triển khai tích hợp nội dung chuyển đổi số trong kế hoạch, nhiệm vụ chung và từng năm học của các cấp quản lý giáo dục và từng cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông sâu rộng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, phụ huynh và học sinh, sinh viên về nhiệm vụ chuyển đổi số

a) Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số trên các cổng/trang thông tin điện tử, mạng nội bộ, bản tin nội bộ của ngành, của từng cơ sở giáo dục và đào tạo. Chú trọng đưa tin, đặt bài, viết bài về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, báo điện tử, trang tin điện tử, diễn đàn trực tuyến.

b) Phối hợp tổ chức, tham gia các chương trình trò chơi, cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số phù hợp với học sinh, sinh viên trên truyền hình; tổ chức thường xuyên các sân chơi, sinh hoạt chuyên đề, ngoại khóa trong các cơ sở giáo dục lên quan đến chuyển đổi số.

c) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, các cuộc triển lãm, trưng bày lưu động về sản phẩm số, giải pháp số, các thành tựu về chuyển đổi số.

d) Tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, tranh cổ động, đồ họa thông tin (infographic), đồ họa chuyển động (motion graphics), các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp tuyên truyền về chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

3. Tổ chức các phong trào thi đua từ cơ sở, tạo động lực cho mọi người tìm hiểu, nhận thức và tham gia các hoạt động chuyển đổi số phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân, đơn vị.

Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong Chương trình chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương và toàn ngành.

V. Đảm bảo các điều kiện thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo Nghệ An

1. Công tác tham mưu, thực hiện các cơ chế, chính sách

a) Nghiên cứu, vận dụng linh hoạt, tối đa những chính sách chung về chuyển đổi số cho các hoạt động của ngành, của cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ, triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

- Cơ chế, chính sách thu hút các giảng viên giỏi tham gia giảng dạy về chuyển đổi số, công nghệ số tại các cơ sở giáo dục; xây dựng chính sách ưu tiên để thu hút học sinh, sinh viên học chuyên sâu các chuyên ngành về chuyển đổi số, công nghệ số; xây dựng quỹ học bổng từ nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, tập đoàn, hãng công nghệ để cấp cho sinh viên theo học chuyên sâu các ngành về chuyển đổi số, công nghệ số có thành tích học tập xuất sắc.

- Chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách Internet giáo dục.

- Áp dụng hình thức khen thưởng đột xuất và kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số, giúp mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và lợi ích cho cộng đồng.

b) Tham mưu các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo lồng ghép trong nội dung của Quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng huyện; trong kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh và các ngành; trong đề án Tái cơ cấu các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

c) Tiếp tục ban hành các kế hoạch, đề án cụ thể hóa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy định của trung ương về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

2. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phương tiện hiện đại

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử

dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cấp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên.

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

3. Xây dựng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

b) Tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên ngành công nghệ số như công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, tài chính số, kinh doanh số, truyền thông số,... Tổ chức đào tạo bổ sung, cập nhật các kiến thức, kỹ năng số cho giảng viên đại học, nhất là giảng viên các chuyên ngành kinh tế và xã hội.

c) Tổ chức đào tạo giáo viên dạy các hoạt động giáo dục liên quan đến tin học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kỹ thuật và nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông về phương pháp STEM/STEAM.

d) Hình thành mạng lưới cốt cán chuyên môn chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh (trong và ngoài ngành), thực sự làm nòng cốt trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành.

e) Chú trọng các hoạt động nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ; giao lưu học tập kinh nghiệm trong và ngoài ngành, để nâng cao năng lực thực tế của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh.

4. Huy động nguồn lực tài chính hỗ trợ

a) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai kế hoạch, huy động các nguồn lực tài chính từ xã hội và các nguồn kinh phí khác cho hoạt động nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục trọng điểm về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

b) Ngân sách nhà nước bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện Kế hoạch.

c) Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học ưu tiên bố trí ngân sách từ các nguồn thu hợp pháp theo quy định để triển khai đào tạo, nghiên cứu phát triển về chuyển đổi số, công nghệ số.

d) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể. Tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

e) Tăng cường các nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản. Vận động tài trợ chương trình học bổng để đào tạo giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên và cán bộ chuyên trách về công nghệ số ở nước ngoài.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn các phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục trực thuộc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai theo giai đoạn và từng năm học; xây dựng các mô hình về chuyển đổi số, đảm bảo trọng tâm, sát thực tế và có tính khả thi.

c) Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; công tác quản lý, triển khai thực hiện, kiểm tra, sát hạch đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ số; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh.

d) Hằng năm, tổng hợp kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch báo cáo Bộ GD&ĐT, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo chuyên đề theo yêu cầu; Tổ chức sơ kết, tổng kết triển khai Kế hoạch; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì phối hợp với Sở GD&ĐT, các trường đại học, các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung về hạ tầng công nghệ, về tuyên truyền nâng cao nhận thức, khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực công nghệ

thông tin, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ công chức viên chức trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp Sở GD&ĐT triển khai thực hiện các mô hình, tham mưu các cơ chế, chính sách Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo; các nội dung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan theo Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025.

3. Sở Tài chính

Căn cứ đề xuất và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp trình UBND tỉnh bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các đơn vị, thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương tổng hợp các dự án đầu tư và ưu tiên nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo.

5. Các Sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh

a) Chủ trì phối hợp lồng ghép cụ thể hóa và triển khai những nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trong chương trình, kế hoạch, đề án Chuyển đổi số của Sở, ngành, đơn vị mình tham mưu, ban hành.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Sở GD&ĐT, các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan của Kế hoạch; nhất là khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của ngành, lĩnh vực để đặt hàng, phối hợp đào tạo đảm bảo số lượng, chất lượng.

c) Phối hợp với ngành giáo dục, đơn vị địa phương và các cơ sở giáo dục, đào tạo khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số thành công.

d) Phối hợp tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; cung cấp thông tin, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan của sở, ngành, đơn vị cho Sở GD&ĐT tổng hợp báo cáo hàng năm, sơ kết, tổng kết.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, chỉ đạo phòng giáo dục và đào tạo, các phòng liên quan tham mưu cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng Kế hoạch, Đề án hoặc Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

b) Có các giải pháp lồng ghép thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

c) Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành, thị nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo)./.

Nơi nhận: *phần*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - UBND huyện, thành phố, thị xã;
 - Các trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh;
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KGVX (TP, Đức).
- (để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long